| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN LẠC**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2020/HNGĐ- ST
Ngày 25-3-2020
V/vTranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Quý
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Bùi Thị Kim Thanh
  2/ Ông Hoàng Văn Khảm
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 " V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1991 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Nh, xã T, huyện Y, tỉnh V.
Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1993 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh V
Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn Tòa án nhận được ngày 09/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn ngày 17/4/2014 tại UBND xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu ngay làm ăn, ở chung với gia đình

nhà anh. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 3/2019 chị N mong muốn được đi xuất khẩu lao động, anh cùng gia đình không đồng ý dẫn đến có mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Chị N đã về ở với nhà bố mẹ đẻ tại xã Bình Định. Kể từ ngày đó cho đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, anh có gọi nhiều lần để quay về đoàn tụ nhưng nhất quyết chị N không về. Tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, anh đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Bị đơn chị Bùi Thị N trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống đúng như anh T đã trình bày. Mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc chị xin đi xuất khẩu lao động 6 tháng nhưng anh T và gia đình chồng phản đối. Chị đã không đi xuất khẩu lao động nhưng từ đó giữa chị và anh T cùng gia đình đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau và xúc phạm đến chị một cách thậm tệ. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở làm ăn và sinh sống từ tháng 3/2019 , vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Anh T có xuống nói chuyện để về cùng chung sống nhưng chị thấy không còn tình cảm. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị N và anh T thống nhất có 01 con chung cháu Hà Anh V, sinh ngày 06/01/2015, hiện nay cháu V đang ở với anh T.

Ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cháu V không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh ở cùng bố mẹ đẻ của anh có thể phụ giúp anh chăm sóc cháu V, nghề nghiệp của anh là sửa chữa xe lưu động, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/ tháng.

Chị N đề nghị được nuôi cháu V không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm công nhân tại Công ty TNHH JAHWA tại khu Công nghiệp Khai Quang Vĩnh Yên, thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng. Bố mẹ chị có cho chị ở cùng nhà và giúp chị chăm sóc cháu V.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ, đất canh tác và công sức: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hà Văn T với chị Bùi Thị N. Để T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Anh V. Không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, riêng của vợ chồng, công sức đóng góp, vay nợ và cho vay:

Anh T và chị N không đề nghị giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra,tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa anh Hà Văn T và chị Bùi Thị N là vợ chồng.Anh T và chị N đều cư trú tại huyện Yên Lạc, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Bùi Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N có mong muốn đi xuất khẩu lao động nhưng anh T và gia đình không đồng ý dẫn tới việc cãi nhau và xúc phạm đến nhau. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Bình Định ở, làm ăn và sinh sống từ tháng 3/2019 cho đến nay. Anh T xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị được ly hôn, chị N cũng nhất trí. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp yêu cầu của anh T xin ly hôn chị N là có căn cứ.

[3].Về con chung: Anh T và chị N thống nhất vợ chồng có 01 con chung. Cháu Hà Anh V, sinh ngày 06/01/2015. Anh T và chị N đều có nguyện vọng muốn được nuôi cháu V. Cả anh T và chị N và anh T đều có nơi ở và thu nhập để đảm bảo cho cuộc sống của cháu V.

Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành N sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên từ ngày chị N và anh T sống ly thân, cháu V vẫn ở với anh T và được chăm sóc, phát triển đầy đủ, cháu cũng đã trên 36 tháng tuổi. Để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu và điều kiện nuôi con của anh T hơn hẳn chị N, cho nên cần tiếp tục giao cháu V cho anh T tiếp tục trông nom nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, chị N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh T và chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51,56 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1/ Cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Bùi Thị N.

2/ Về con chung: Giao cho anh Hà Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Anh V, sinh ngày 06/01/2015. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005570 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Quý**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN YÊN LẠC**
**TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ- ST
Ngày 25-3-2020
V/vTranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Quý
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Bùi Thị Kim Thanh

2/ Ông Hoàng Văn Khảm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 " V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Nhân Trai, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Nhân Trai, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn Tòa án nhận được ngày 09/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn ngày 17/4/2014 tại UBND xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu ngay làm ăn, ở chung với gia đình nhà anh. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 3/2019 chị N mong muốn được đi xuất khẩu lao động, anh cùng gia đình không đồng ý dẫn đến có mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Chị N đã về ở với nhà bố mẹ đẻ tại xã Bình Định. Kể từ ngày đó cho đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, anh có gọi nhiều lần để quay về đoàn tụ nhưng nhất quyết chị N không về. Tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, anh đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Bị đơn chị Bùi Thị N trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống đúng như anh T đã trình bày. Mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc chị xin đi xuất khẩu lao động 6 tháng nhưng anh T và gia đình chồng phản đối. Chị đã không đi xuất khẩu lao động nhưng từ đó giữa chị và anh T cùng gia đình đã phát sinh mâu thuẫn,

cãi vã nhau và xúc phạm đến chị một cách thậm tệ. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở làm ăn và sinh sống từ tháng 3/2019 , vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Anh T có xuống nói chuyện để về cùng chung sống nhưng chị thấy không còn tình cảm. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị N và anh T thống nhất có 01 con chung cháu Hà Anh V, sinh ngày 06/01/2015, hiện nay cháu V đang ở với anh T.

Ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cháu V không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh ở cùng bố mẹ đẻ của anh có thể phụ giúp anh chăm sóc cháu V, nghề nghiệp của anh là sửa chữa xe lưu động, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/ tháng.

Chị N đề nghị được nuôi cháu V không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm công nhân tại Công ty TNHH JAHWA tại khu Công nghiệp Khai Quang Vĩnh Yên, thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng. Bố mẹ chị có cho chị ở cùng nhà và giúp chị chăm sóc cháu V.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ, đất canh tác và công sức: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hà Văn T với chị Bùi Thị N. Để T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Anh V. Không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, riêng của vợ chồng, công sức đóng góp, vay nợ và cho vay: Anh T và chị N không đề nghị giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra,tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa anh Hà Văn T và chị Bùi Thị N là vợ chồng.Anh T và chị N đều cư trú tại huyện Yên Lạc, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Bùi Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Thời gian

đầu anh chị chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N có mong muốn đi xuất khẩu lao động nhưng anh T và gia đình không đồng ý dẫn tới việc cãi nhau và xúc phạm đến nhau. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Bình Định ở, làm ăn và sinh sống từ tháng 3/2019 cho đến nay. Anh T xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị được ly hôn, chị N cũng nhất trí. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp yêu cầu của anh T xin ly hôn chị N là có căn cứ.

[3].Về con chung: Anh T và chị N thống nhất vợ chồng có 01 con chung. Cháu Hà Anh V, sinh ngày 06/01/2015. Anh T và chị N đều có nguyện vọng muốn được nuôi cháu V. Cả anh T và chị N và anh T đều có nơi ở và thu nhập để đảm bảo cho cuộc sống của cháu V.

Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành N sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên từ ngày chị N và anh T sống ly thân, cháu V vẫn ở với anh T và được chăm sóc, phát triển đầy đủ, cháu cũng đã trên 36 tháng tuổi. Để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu và điều kiện nuôi con của anh T hơn hẳn chị N, cho nên cần tiếp tục giao cháu V cho anh T tiếp tục trông nom nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, chị N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh T và chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51,56 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1/ Cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Bùi Thị N.

2/ Về con chung: Giao cho anh Hà Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Anh V, sinh ngày 06/01/2015. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005570 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Quý**